

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Cát Tường;
2. Ông Phạm Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXX-ST ngày 10/01/2024 giữa các đương sự:

- N đơn: Chị Lê Thị T - sinh năm 1988;

ĐKKHKT: Phố 4, phường Q, thành phố T, tỉnh T.

Nơi ở hiện tại: Phố 2, phường Q, thành phố T, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Khắc L - sinh năm 1990;

Địa chỉ: Phố 4, phường Q, thành phố T, tỉnh T.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Khắc L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố T vào năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phố 4, phường Q, thành phố T, tỉnh T. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. N nhân mâu thuẫn là do vợ

chồng bất đồng về quan điểm sống dẫn đến không có tiếng nói chung, anh L còn ghen tuông vô cớ. Chị T đã nói chuyện và tha thứ cho anh L nhiều lần nhưng anh L vẫn không thay đổi. Đến tháng 8 năm 2023 do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân từ khoảng thời gian đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 24/7/2012 và Nguyễn Khắc Tuấn M, sinh ngày 28/6/2021. Tại đơn khởi kiện, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng, cả hai cháu là 2.000.000đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12/2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, giao cháu N cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung với ai.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh L trình bày thống nhất với chị T về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như N nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng. Tuy nhiên anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh L thống nhất vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày. Nếu phải ly hôn, anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thảo N, giao cháu Tuấn M cho cô T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp nuôi con chung với ai.

- Về tài sản, công nợ: anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Qua thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: Quá trình vợ chồng anh L, chị T chung sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay anh chị đã sống ly thân. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 24/7/2012 và Nguyễn Khắc Tuấn M, sinh ngày 28/6/2021. Nay chị T làm đơn khởi kiện ly hôn anh L, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng, do vậy Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện: căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn và bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố T. Việc Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để giải quyết vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị T, anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Kết quả xác M tại địa phương thống nhất với lời khai của anh, chị cho thấy vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho vợ chồng nhưng không có kết quả. Sau đó anh L đã được triệu tập đến các phiên hòa giải tiếp theo nhưng không lên Tòa làm việc thêm lần nào. Mặc dù anh L có nguyện vọng muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp hữu hiệu để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ quan điểm như trong đơn khởi kiện và tha thiết xin được ly hôn. Xét thấy tình cảm giữa chị T, anh L thực sự không còn, nếu buộc chị T quay về với anh L thì cuộc sống vợ chồng khó có thể cải thiện được, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh L là phù hợp pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 24/7/2012 và Nguyễn Khắc Tuấn M, sinh ngày 28/6/2021. Tại phiên tòa, chị T thống nhất với nguyện vọng của anh L trong suốt quá trình giải quyết vụ án là giao anh L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thảo N, giao cháu Tuấn M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp nuôi con chung với ai. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự và cũng phù hợp với việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Khắc L.

Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 24/7/2012 và Nguyễn Khắc Tuấn M, sinh ngày 28/6/2021. Ly hôn, giao cháu N cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

Chị T và anh L có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0002852 ngày 27/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T (Chị T đã nộp đủ án phí).

Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

N đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- UBND P. Q, TP. T, T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Linh